

HỢP TÁC VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA VỀ NĂNG LƯỢNG VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC PHÒNG TRONG BỐI CẢNH MỚI

★ ThS PHAN THỊ THU HẰNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga là mối liên kết song phương, được hình thành trên nền tảng hợp tác truyền thống, tin cậy và toàn diện. Trong đó, hợp tác năng lượng và công nghệ quốc phòng đóng vai trò là hai trụ cột chiến lược, thể hiện rõ lợi ích quốc gia cũng như bổ trợ lẫn nhau. Sự hợp tác giữa hai nước không chỉ được định hình bởi những cân nhắc lợi ích thực tiễn, mà còn được bồi đắp bởi chiều sâu lịch sử, bản sắc tương đồng và niềm tin lâu dài. Trong bối cảnh địa chính trị nhiều biến động, Việt Nam xác định Nga vẫn là một trong những đối tác chiến lược ưu tiên, nhất là trong việc bảo đảm an ninh năng lượng và củng cố tiềm lực quốc phòng.

● **Từ khóa:** quan hệ Việt - Nga; đối tác chiến lược ưu tiên; hợp tác truyền thống; tiềm lực quốc phòng.

1. Mở đầu

Giữa Việt Nam và Liên bang Nga từ lâu đã tồn tại mối quan hệ song phương đặc biệt và sâu sắc, được vun đắp trên nền tảng hợp tác truyền thống, tin cậy và toàn diện suốt nhiều thập kỷ. Từ sự hỗ trợ to lớn của Liên Xô trước đây trong công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH, đến vai trò đối tác chiến lược quan trọng ngày nay, Liên bang Nga luôn có vị trí đặc biệt trong chính sách đối ngoại của Việt Nam. Hai nước thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược năm 2001 và nâng cấp Đối tác Chiến lược Toàn diện năm 2012 là minh chứng cho mức độ tin cậy cao và sự hợp tác sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, trong đó năng lượng và công nghệ quốc phòng là hai trụ cột cốt lõi, có ý nghĩa chiến lược sống còn.

Tuy nhiên, bối cảnh địa chính trị khu vực và toàn cầu đang trải qua những biến đổi sâu sắc, đặc biệt kể từ khi xung đột Nga - Ucraina bùng nổ vào tháng 2-2022, các lệnh trừng phạt quốc tế nghiêm ngặt nhằm vào Nga, sự điều chỉnh chính sách của các cường quốc và áp lực đa dạng hóa đối tác, bảo vệ lợi ích quốc gia của Việt Nam đã tạo ra những thách thức không nhỏ cho mối quan hệ truyền thống này.

2. Nội dung

2.1. Nền tảng lịch sử và cơ sở lý luận của quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện

Quan hệ Việt - Nga không chỉ là quan hệ ngoại giao thông thường mà còn được xác lập bởi các yếu tố lịch sử, chính trị và văn hóa sâu sắc, tạo nên mối liên kết đặc biệt. Sự giúp đỡ to

lớn của Liên Xô trong quá khứ đã tạo dựng nền tảng vững chắc cho tình hữu nghị và sự tin cậy giữa hai nước. Sau khi Liên Xô giải thể (năm 1991), dù trải qua giai đoạn chững lại, cả Việt Nam và Nga đều nhận thức được sự cần thiết phải khôi phục, duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác truyền thống, dựa trên lợi ích quốc gia của mỗi bên. Năm 1994, hai nước ký kết Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị, sau đó nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược và Đối tác Chiến lược toàn diện đã chính thức hóa một khuôn khổ hợp tác mới, sâu rộng và thực chất hơn.

Khi nhìn nhận quan hệ Việt - Nga dưới góc độ một số lý thuyết quan hệ quốc tế, có thể thấy rằng, theo *chủ nghĩa hiện thực*, sự hợp tác giữa hai nước được hình thành và duy trì trên cơ sở lợi ích quốc gia và nhu cầu cân bằng quyền lực. Việt Nam cần một đối tác truyền thống đủ mạnh để hỗ trợ bảo đảm an ninh năng lượng, quốc phòng, công nghệ và quan trọng là tạo thế

cân bằng trong quan hệ với các cường quốc khác. Ngược lại, Nga cần củng cố ảnh hưởng ở Đông Nam Á, đặc biệt trong bối cảnh bị phương Tây cô lập và Việt Nam là một đối tác quan trọng, ổn định trong khu vực. Mặt khác, *chủ nghĩa kiến tạo* nhấn mạnh vai trò của các giá trị, lịch sử, bản sắc và niềm tin. Quan hệ Việt - Nga mang đậm yếu tố “truyền thống”, dựa trên lịch sử giúp đỡ lẫn nhau, sự tương đồng về quan điểm chính trị trong một số vấn đề quốc tế và sự hiểu biết sâu sắc được vun đắp

qua nhiều thập kỷ hợp tác, đặc biệt thông qua việc đào tạo hàng nghìn cán bộ, chuyên gia Việt Nam tại Liên Xô trước đây, Nga hiện nay. Những yếu tố này tạo nên mức độ tin cậy đặc biệt giữa hai nước.

2.2. Hợp tác trong lĩnh vực năng lượng

Năng lượng, đặc biệt là dầu khí, từ lâu đã được xác định là trụ cột vững chắc, là lĩnh vực hợp tác truyền thống và hiệu quả trong quan hệ song phương Việt Nam - Liên bang Nga⁽¹⁾. Mối quan hệ này có nguồn gốc từ sự hỗ trợ quan trọng của Liên Xô trước đây, đặt nền

móng cho ngành công nghiệp dầu khí non trẻ của Việt Nam.

Hợp tác dầu khí - biểu tượng thành công và nền tảng bền vững là minh chứng rõ nét nhất cho hiệu quả hợp tác. Ngay từ những năm đầu sau thống nhất đất nước, lãnh đạo Việt Nam đã tìm kiếm sự giúp đỡ từ Liên Xô. Bước ngoặt quyết định diễn ra vào ngày 19-6-1981 với việc ký thỏa thuận thành lập

Liên doanh Dầu khí Việt - Xô (Vietsovpetro) giữa Petrovietnam và Zarubezhneft⁽²⁾ để tiến hành thăm dò và khai thác trên thềm lục địa phía Nam Việt Nam. Vietsovpetro trở thành biểu tượng thành công rực rỡ, khai thác tấn dầu đầu tiên tại mỏ Bạch Hổ vào ngày 26-6-1986⁽³⁾. Từ đó đến nay, Vietsovpetro không chỉ đóng góp nguồn thu lớn cho ngân sách quốc gia (tính đến tháng 5-2024, khai thác hơn 250 triệu tấn dầu thô⁽⁴⁾), mà còn đóng vai trò chiến lược trong bảo đảm an ninh năng lượng, phát triển ngành công

Khi nhìn nhận quan hệ Việt - Nga dưới góc độ một số lý thuyết quan hệ quốc tế, có thể thấy rằng, theo chủ nghĩa hiện thực, sự hợp tác giữa hai nước được hình thành và duy trì trên cơ sở lợi ích quốc gia và nhu cầu cân bằng quyền lực. Việt Nam cần một đối tác truyền thống đủ mạnh để hỗ trợ bảo đảm an ninh năng lượng, quốc phòng, công nghệ và quan trọng là tạo thế cân bằng trong quan hệ với các cường quốc khác. Ngược lại, Nga cần củng cố ảnh hưởng ở Đông Nam Á.

nghiệp khí - điện - đạm⁽⁵⁾ và góp phần khẳng định, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông⁽⁶⁾. Thành công này đã giúp Việt Nam trở thành nhà sản xuất dầu lớn thứ ba Đông Nam Á⁽⁷⁾ và đưa Vietsovpetro thành thương hiệu uy tín quốc tế⁽⁸⁾. Sau khi Liên Xô giải thể, hợp tác dầu khí nhanh chóng được phục hồi và tiếp tục là ưu tiên hàng đầu, được tái khẳng định trong Hiệp ước Hữu nghị năm 1994 và các thỏa thuận trong khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện. Tiếp đó, hai nước quyết định gia hạn Hiệp định Liên chính phủ về Vietsovpetro đến năm 2030 thể hiện sự tin tưởng và mong muốn hợp tác lâu dài của cả hai quốc gia.

Sự mở rộng và đa dạng hóa hợp tác dầu khí cũng diễn ra mạnh mẽ ngoài Vietsovpetro. Năm 2008, Liên doanh Rusvietpetro giữa Petrovietnam (chiếm 49% vốn) và Zarubezhneft (chiếm 51% vốn) được thành lập, hoạt động tại Khu tự trị Nenhexky (Nga)⁽⁹⁾. Mặc dù hoạt động trong điều kiện khắc nghiệt, Rusvietpetro đã trở thành liên doanh ở nước ngoài hiệu quả nhất của Petrovietnam, đóng góp đáng kể vào sản lượng và lợi nhuận của tập đoàn, đồng thời đưa Việt Nam thành một trong số ít đối tác tham gia khai thác dầu khí trên lãnh thổ Nga⁽¹⁰⁾. Bên cạnh đó, hợp tác với tập đoàn khí đốt khổng lồ Gazprom của Nga cũng là một điểm nhấn quan trọng. Liên doanh Vietgazprom thành lập năm 2002 đã mở rộng hoạt động sang các lô nước sâu và phát triển các mỏ khí lớn như Mộc Tinh, Hải Thạch⁽¹¹⁾. Gazprom hợp tác sản xuất khí và khoáng ngưng (condensate) tại Nga, cung cấp khí tự nhiên hóa lỏng (LNG), hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nhân lực cho Petrovietnam⁽¹²⁾. Liên doanh Gazpromviet được thành lập để tìm kiếm cơ hội ở nước thứ ba. Ngoài ra, hợp tác với Rosneft, tập đoàn dầu khí lớn nhất Nga ngày càng được tăng cường. Rosneft gia nhập thị

trường Việt Nam năm 2012, trở thành đối tác chiến lược, mở rộng hợp tác sang nhiều lô mới và trao quyền khai thác đối ứng cho Petrovietnam tại Nga. Hai bên đã ký thỏa thuận cung cấp dầu thô dài hạn và hợp tác thăm dò tại bể Phú Khánh⁽¹³⁾. Khí từ Lô 06-1 do Rosneft điều hành đóng góp đáng kể vào tổng tiêu thụ năng lượng của Việt Nam. Nhìn chung, hợp tác dầu khí song phương đã mang lại lợi ích kinh tế lớn và đa dạng cho cả hai quốc gia.

Trong lĩnh vực năng lượng hạt nhân, năm 2010, Việt Nam - Nga ký thỏa thuận xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1. Đây là dự án đầu tiên của Việt Nam với sự hỗ trợ toàn diện từ Nga về công nghệ, tài chính và đào tạo. Tuy nhiên, sau thảm họa Fukushima (Nhật Bản), với các lo ngại về vấn đề an toàn và lý do kinh tế, Quốc hội Việt Nam đã quyết định dừng dự án vào năm 2016. Dù vậy, Nga vẫn thể hiện sự quan tâm và thiện chí hợp tác, tiếp tục hỗ trợ đào tạo nhân lực và nghiên cứu. Gần đây, Nga tái khẳng định sẵn sàng hỗ trợ Việt Nam phát triển điện hạt nhân nếu Việt Nam quyết định theo đuổi, bao gồm cả công nghệ tiên tiến và dự án Trung tâm Khoa học và Công nghệ Hạt nhân⁽¹⁴⁾. Điều này cho thấy năng lượng hạt nhân vẫn là một lĩnh vực hợp tác tiềm năng chiến lược trong tương lai.

Hiện nay, hợp tác năng lượng Việt - Nga đang đối mặt với những thách thức mới, đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi năng lượng và các lệnh trừng phạt của các nước phương Tây. Nga mong muốn mở rộng hợp tác sang các lĩnh vực năng lượng mới như năng lượng tái tạo, giao thông xanh, khí thiên nhiên hóa lỏng và công nghiệp carbon thấp⁽¹⁵⁾ phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Việt Nam. Tuy nhiên, các lệnh trừng phạt quốc tế nhằm vào Nga đã gây ra nhiều trở ngại, trong đó khó khăn về tài

chính là rào cản lớn nhất khi Nga bị loại khỏi SWIFT (Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn cầu) và các hạn chế tài chính khác gây khó khăn cho thanh toán và tín dụng thương mại, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và khả năng huy động vốn⁽¹⁶⁾.

Bên cạnh đó, sự hạn chế tiếp cận công nghệ tiên tiến từ phương Tây cũng làm chậm tiến độ hoặc giảm hiệu quả các dự án dầu khí phức tạp⁽¹⁷⁾. Trong khi đó, sự cạnh tranh ở lĩnh vực năng lượng tái tạo cũng gia tăng khi các quốc gia châu Âu, Nhật Bản, Hàn

Quốc có lợi thế về công nghệ và tài chính. Đối mặt với áp lực này, Việt Nam và Nga đang nỗ lực tìm giải pháp thích ứng, như thúc đẩy thanh toán bằng đồng nội tệ và duy trì hoạt động của các công ty năng lượng lớn tại Việt Nam⁽¹⁸⁾. Năm 2022, Việt Nam ban hành Luật Dầu khí (sửa đổi), thể hiện cam kết

duy trì môi trường hợp tác ổn định. Tầm quan trọng chiến lược của dầu khí và khí thiên nhiên hóa lỏng đòi hỏi Việt Nam duy trì và thích ứng hợp tác năng lượng với Nga, tìm kiếm cơ hội phù hợp với chiến lược và nhu cầu của cả hai bên.

2.3. Hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng

Bên cạnh năng lượng, hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng là một trụ cột chiến lược khác, thể hiện chiều sâu trong quan hệ song phương Việt Nam - Liên bang Nga. Mối quan hệ này được xây dựng trên nền tảng lịch sử vững chắc từ thời Liên Xô và tiếp tục đóng vai trò then chốt trong việc hiện đại hóa Quân đội

nhân dân Việt Nam, bảo vệ chủ quyền quốc gia và duy trì cân bằng chiến lược trong khu vực.

Nga là đối tác truyền thống và nhà cung cấp vũ khí hàng đầu cho Việt Nam. Trong suốt giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh và đặc biệt trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI, Nga khẳng định vị thế là nhà cung cấp vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự quan trọng nhất. Ước tính, khoảng 80% kho vũ khí hiện đại của Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay có nguồn gốc từ Nga⁽¹⁹⁾. Điều này bắt nguồn từ nhu cầu cấp thiết của Việt Nam trong

việc hiện đại hóa quân đội, đặc biệt là hải quân và không quân, nhằm đối phó với những thách thức an ninh ngày càng gia tăng, nhất là trên Biển Đông. Hàng loạt hợp đồng mua sắm vũ khí lớn đã tạo nên xương sống cho sức mạnh quân sự Việt Nam. Trong lĩnh vực hải quân, việc mua sắm 6 tàu ngầm Kilo 636 hiện đại đã nâng cao

đáng kể năng lực tác chiến dưới mặt nước⁽²⁰⁾. Bên cạnh đó là các tàu hộ vệ tên lửa Gepard 3.9 đa năng, tàu tên lửa tấn công nhanh Molniya (một phần đóng tại Việt Nam) và tàu tuần tra Svetlyak⁽²¹⁾. Đối với không quân, tiêm kích đa năng Su-30MK2 là chủ lực. Về phòng không, hệ thống tên lửa S-300PMU1 tầm xa là cấu phần quan trọng trong lưới lửa phòng không quốc gia⁽²²⁾. Trong lục quân và các hệ thống khác, Nga cung cấp xe tăng T-90S/SK, tên lửa phòng thủ bờ biển Bastion-P, cùng nhiều thiết bị quan trọng khác như radar, pháo binh, tên lửa chống hạm, công nghệ thông tin - trinh sát điện tử⁽²³⁾. Hợp tác không chỉ dừng lại ở mua, bán mà quan

Trong bối cảnh địa chính trị biến động và cạnh tranh gay gắt hiện nay, hợp tác Việt - Nga trong lĩnh vực năng lượng và công nghệ quốc phòng tiếp tục giữ vai trò chiến lược đặc thù với cả hai nước. Đối với Việt Nam, quan hệ với Nga là một cấu phần quan trọng trong chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, độc lập, tự chủ, giúp duy trì cân bằng chiến lược, tránh lệ thuộc vào bất kỳ cực quyền lực nào.

trọng hơn còn bao gồm cả huấn luyện sĩ quan, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật, bảo trì, bảo dưỡng⁽²⁴⁾, thể hiện mức độ tin cậy và chiều sâu chiến lược vượt xa quan hệ mua, bán thông thường.

Tuy nhiên, xu hướng chuyển dịch và đa dạng hóa nguồn cung đang ngày càng rõ rệt. Kể từ sau sự kiện Crum năm 2014 và đặc biệt là từ khi nổ ra xung đột Nga - Ukraine năm 2022, Việt Nam chủ động đa dạng hóa đối tác quốc phòng theo hướng đa chuẩn hóa. Sự chuyển dịch này xuất phát từ nhiều yếu tố. *Thứ nhất*, lo ngại về rủi ro phụ thuộc chiến lược vào một nguồn cung duy nhất, bất kỳ sự gián đoạn nào cũng có thể khiến năng lực quốc phòng dễ bị tổn thương, ảnh hưởng đến khả năng tự vệ và bảo vệ lợi ích quốc gia. *Thứ hai*, tác động của lệnh trừng phạt quốc tế nhằm vào Nga, gây khó khăn cho ngành công nghiệp quốc phòng Nga về sản xuất, cung cấp, bảo trì, đồng thời tạo rủi ro trừng phạt thứ cấp theo Đạo luật CAATSA của Hoa Kỳ đối với Việt Nam⁽²⁵⁾. *Thứ ba*, yêu cầu hiện đại hóa và tương thích công nghệ trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đòi hỏi khả năng tương tác với hệ thống của các đối tác khác, điều mà các hệ thống chuẩn Nga đôi khi gặp khó khăn. *Thứ tư*, nhu cầu tiếp cận công nghệ tiên tiến trong một số lĩnh vực mà Nga có thể không còn giữ lợi thế tuyệt đối hoặc bị hạn chế chuyển giao. Trước tình hình này, Việt Nam đã tích cực tăng cường hợp tác quốc phòng với nhiều quốc gia khác.

Mặc dù vậy, vai trò của Nga trong hợp tác quốc phòng là không thể thay thế hoàn toàn, ít nhất là trong ngắn và trung hạn. Điều này được lý giải bởi các yếu tố đặc thù. *Một là*, mức độ tin cậy và truyền thống hợp tác lâu dài giữa hai nước. *Hai là*, Nga thường ít đặt ra các điều kiện ràng buộc chính trị khắt khe như nhân quyền hay liên minh quân sự khi cung cấp vũ khí⁽²⁶⁾,

phù hợp với chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ của Việt Nam. *Ba là*, sự phù hợp với chính sách quốc phòng “bốn không” của Việt Nam, giúp nâng cao năng lực quốc phòng mà không gây lo ngại cho các nước khác⁽²⁷⁾. *Bốn là*, ưu thế thực tế về giá cả và tính tương thích hệ thống, giúp giảm chi phí chuyển đổi và thuận lợi cho huấn luyện, bảo trì khi phần lớn kho vũ khí hiện có là hệ thống của Nga⁽²⁸⁾. Hợp tác quốc phòng Việt - Nga đang trong giai đoạn chuyển đổi phức tạp, việc cân bằng giữa duy trì hợp tác truyền thống với Nga và mở rộng quan hệ với các đối tác mới là bài toán chiến lược đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục giải quyết một cách khéo léo và thực tế.

2.4. Vai trò chiến lược của hợp tác năng lượng và công nghệ quốc phòng Việt Nam - Nga trong bối cảnh địa chính trị mới

Trong bối cảnh địa chính trị biến động và cạnh tranh gay gắt hiện nay, hợp tác Việt - Nga trong lĩnh vực năng lượng và công nghệ quốc phòng tiếp tục giữ vai trò chiến lược đặc thù với cả hai nước. Đối với Việt Nam, quan hệ với Nga là một cấu phần quan trọng trong chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa, độc lập, tự chủ, giúp duy trì cân bằng chiến lược, tránh lệ thuộc vào bất kỳ cực quyền lực nào. Duy trì quan hệ tốt đẹp với Nga - một đối tác truyền thống và là Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc - giúp nâng cao vị thế quốc tế và bảo đảm không gian chiến lược. Dù có thách thức, Nga vẫn là nguồn cung cấp quan trọng về công nghệ, thiết bị thiết yếu và đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực then chốt này⁽²⁹⁾.

Đối với Nga, trong bối cảnh bị phương Tây cô lập, Việt Nam là đối tác ưu tiên hàng đầu tại Đông Nam Á trong chiến lược “Xoay trục về phương Đông”⁽³⁰⁾. Việt Nam là cửa ngõ quan trọng để Nga kết nối với ASEAN, một thị

trường tiềm năng và trung tâm tăng trưởng kinh tế - thương mại năng động. Duy trì quan hệ tốt đẹp với Việt Nam giúp Nga củng cố ảnh hưởng khu vực, tạo đối trọng và duy trì thị trường xuất khẩu năng lượng, vũ khí quan trọng.

2.5. Kiến nghị chính sách

Mặc dù nền tảng và lợi ích chiến lược là rất lớn, quan hệ Việt - Nga trong lĩnh vực năng lượng và quốc phòng đang đối mặt với những thách thức không nhỏ, đòi hỏi sự thích ứng và đổi mới từ cả hai bên. Các lệnh trừng phạt quốc tế đối với Nga là rào cản lớn nhất, ảnh hưởng đến giao dịch tài chính, tiếp cận công nghệ, chuỗi cung ứng và bảo trì thiết bị⁽³¹⁾. Áp lực từ các đối tác phương Tây và xu hướng đa dạng hóa của Việt Nam cũng tạo ra môi trường cạnh tranh gay gắt hơn. Sự thiếu linh hoạt trong thích ứng và phụ thuộc công nghệ có thể trở thành điểm yếu dài hạn của mối quan hệ song phương⁽³²⁾.

Để duy trì, phát triển quan hệ hợp tác hiệu quả, cả Việt Nam và Nga cần tiếp tục đối thoại, tìm kiếm các giải pháp sáng tạo, linh hoạt. Hai nước cần thiết lập cơ chế đối thoại thường niên cấp cao giữa các bộ, ngành chủ chốt để tăng cường phối hợp chiến lược và tháo gỡ vướng mắc. Đặc biệt chú trọng sự linh hoạt về tài chính (ví dụ như: hoán đổi tiền tệ, giao dịch bằng đồng nội tệ) để vượt qua rào cản SWIFT. Đồng thời, cần tái cơ cấu các lĩnh vực hợp tác tiềm năng, tập trung vào những mảng ít bị ảnh hưởng bởi cấm vận như giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học cơ bản, an ninh phi truyền thống, năng lượng tái tạo và số hóa. Việc tăng cường quan hệ đối ngoại nhân dân, ngoại giao văn hóa - học thuật sẽ tạo nền tảng mềm bền vững (ví dụ thúc đẩy trao đổi sinh viên, học bổng, hội thảo chung...).

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần xây dựng một lộ trình chuyển đổi hợp tác với Nga từ chiều sâu truyền thống sang chiều rộng chiến lược

thích hợp, nằm trong một “thế trận tổng thể” đồng thời với nhiều đối tác khác, sử dụng cách tiếp cận “phòng ngừa rủi ro thông minh” (Smart hedging) để bảo đảm sự tự chủ chiến lược và tối đa hóa lợi ích quốc gia. Đây là chiến lược đối ngoại linh hoạt, để có thể Việt Nam duy trì quan hệ tích cực với nhiều bên mà không bị ràng buộc vào bất kỳ một cường quốc nào, giúp phân tán rủi ro trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị gia tăng, đồng thời tạo dư địa cho Việt Nam khai thác tối đa các lợi ích về kinh tế, quốc phòng và công nghệ. Phương thức này phù hợp với chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ và hòa bình của Việt Nam, vừa tránh đối đầu, vừa không đánh mất cơ hội hợp tác chiến lược với các nước lớn, trong đó có Nga.

3. Kết luận

Quan hệ hợp tác Việt Nam - Liên bang Nga trong lĩnh vực năng lượng và công nghệ quốc phòng là trụ cột quan trọng của đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Mối quan hệ này được xây dựng trên nền tảng lịch sử lâu dài, sự tin cậy sâu sắc và lợi ích chiến lược song phương. Những thành tựu nổi bật như Vietsovpetro và vai trò của Nga trong hiện đại hóa quốc phòng Việt Nam là minh chứng rõ ràng cho điều này. Tuy nhiên, bối cảnh địa chính trị sau năm 2022 đang đặt ra nhiều thách thức mới. Các lệnh trừng phạt, cạnh tranh công nghệ và xu hướng đa dạng hóa đối tác đang ảnh hưởng đến hợp tác song phương. Dù vậy, mối quan hệ này vẫn giữ vai trò chiến lược quan trọng với cả hai nước. Việt Nam cần duy trì cân bằng đối ngoại cũng như bảo đảm an ninh năng lượng và quốc phòng, trong khi Nga cũng xem Việt Nam là đối tác ưu tiên trong chiến lược “hướng Đông” khi bị phương Tây cô lập. Để thích ứng, hai bên cần đổi mới hợp tác, tập trung vào các lĩnh vực ít bị cấm vận và tăng

cường nền tảng mềm. Chính sách đối ngoại linh hoạt theo hướng “Smart hedging” sẽ giúp Việt Nam vừa giữ vững tự chủ chiến lược, vừa duy trì quan hệ hữu nghị bền vững với Nga trong bối cảnh mới □

Ngày nhận bài: 25-4-2025; Ngày bình duyệt: 9-9-2025; Ngày duyệt đăng: 24-9-2025.

Email: Phanhang.hcma@gmail.com

(1), (3), (6), (8), (11) Huyen, Bui Thi: “Vietnamese-Russian Cooperation in Exploration and Production of Oil and Gas from 1980 to the Present”, *Dalat university journal of science*, 12(4), 2022, 123-136; p.123-124; 126; 134; 125; 128.

(2), (10) Vovk, V. S, Osmanov, V. G, & Evdoshenko, Y. V: “Tới kho báu rồng vàng: Ghi chép về lịch sử hợp tác Nga-Việt trong lĩnh vực dầu khí”, Kuchkovo Pole Publishing, 2018, tr. 324.

(4) Xem <https://theinvestor.vn>: “Vietsovetrop crosses 250-mln-ton-oil-production milestone”, May 16, 2024.

(5) Xem <https://www.vietsov.com.vn>: “Những thành tựu nổi bật của Vietsovetrop trong hành trình 40 năm “Tìm lửa,” những định hướng xây dựng và phát triển”, ngày đăng 17-6-2021.

(7) Xem <https://petrovietnam.petrotimes.vn>: “Hợp tác dầu khí: điểm sáng trong quan hệ hữu nghị Việt Nam-Liên bang Nga”, ngày đăng 21-5-2019.

(9) Xem <https://baochinhphu.vn>: “Liên doanh dầu khí Nga-Việt đã mang về cho đất nước tỷ USD”, ngày đăng 23-10-2024.

(12) Karapetyan, K. S: “Cooperation between Russia and Vietnam in oil and gaz industry”, *Vestnik RUDN, International Relations*, (2), 2012, 45-50. p. 45-50.

(13) Nguyễn Tiến Dũng: “Hợp tác dầu khí Việt-Nga: Toàn diện, sâu sắc và hiệu quả hơn”, <https://petrovietnam.petrotimes.vn>, ngày đăng

15-11-2013.

(14), (15) Vietnam News: “Russia ready to expand cooperation in new energy areas with Vietnam: Ambassador”, <https://vietnamnews.vn>, January 27, 2025.

(16) Thùy Dương: “Việc Nga bị loại khỏi SWIFT ảnh hưởng tới thanh toán của Việt Nam”, <https://baocaovien.vn>, ngày đăng 1-3-2022.

(17) VnBusiness: “Dự án đầu tư về điện và dầu khí của Nga tại Việt Nam có thể bị ngưng trệ do lệnh trừng phạt SWIFT?”, <https://vnbusiness.vn>, ngày đăng 1-3-2022.

(18) VnEconomy: “Ngân hàng Việt - Nga đề xuất nhiều biện pháp gỡ khó cho cộng đồng doanh nghiệp”, <https://vneconomy.vn>, ngày đăng 16-4-2024.

(19) SIPRI. (2020, và các cập nhật sau đó). *SIPRI databases/ SIPRI Arms Transfers Database*. Stockholm International Peace Research Institute.

(20), (21), (22), (25), (29) Zaręba, Michał: “Role of military cooperation in Vietnam - Russia relations”, *EASTERN REVIEW*, 11(2), 2022, 51-66, <https://doi.org/10.18778/1427-9657.11.16>; p.57; 56; 57; 56; 57; 59& 62-64; 62; 62& 64

(23), (24), (26), (28) Thayer, C. A: “Force modernization: Vietnam”, *Southeast Asian Affairs*, 2018, 429-444, ISEAS-Yusof Ishak Institute. <https://doi.org/10.1355/9789814786843-026>. p.429-444.

(27) Le Hong Hiep: “Vietnam’s Foreign Policy Hedging in a Multipolar Indo-Pacific”, ISEAS-Yusof Ishak Institute, 2023.

(29) Dương Ngọc: “Việt Nam - Nga mở rộng hợp tác đào tạo nhân lực công nghệ hạt nhân”, <https://nld.com.vn>, ngày đăng 02-10-2024.

(30) Trần Việt Thái: “Chính sách đối ngoại Việt Nam đến năm 2045: Tư duy mới và định hướng chiến lược”, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

(31), (32) Nguyễn Thị Lan Anh: “Việt - Nga trong bối cảnh địa chính trị mới: Thách thức và gợi ý chính sách”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, số 4 (2022).